CK.0000070894

MẠNH TƯỜNG

TIẾNG ANH GIAO TIẾP THẾ KỶ 21

SÁCH KÈM THEO ĐĨA CD BỊ MẤT TẠI
PHÒNG NGHE NHÌN

KÈM ĐĨA CD

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

MỚI CÁC BẠN TÌM ĐỌC

TIẾNG ANH GIAO TIẾP
THẾ KỶ 21

TRẦN MẠNH TƯỜNG

TIẾNG ANH GIAO TIẾP THẾ KỶ 21

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN

1 Meeting
Gặp gỡ

Dialogue 1
Hi!

Đối thoại 1
Chào

A: Hi, Mike!
Chào, Mike!

B: Hi, Peter! Haven't seen you for ages. How's it going?
Chào, Peter! Đã lâu không gặp bạn. Cuộc sống thế nào?

A: Fine, thanks. And you?
Tốt, cảm ơn. Còn bạn thì sao?

B: Very well, thanks you.
Rất tốt, cảm ơn.

Dialogue 2
Oh, hello!

Đối thoại 2
Ô, chào!

A: Oh, hello, Bob! How are you?
Ô, chào Bob! Bạn có khoẻ không?

B: I'm fine, thanks you. How are you?
Tôi khoẻ, cảm ơn. Bạn có khoẻ không?

A: I'm fine, too. It's beautiful to day, isn't it?
Tôi cũng khoẻ. Hôm nay trời đẹp nhỉ?

B: Yes, it is.
Vâng, đúng vậy.

Dialogue 3
Fancy meeting you here!

Đối thoại 3
Thật ngạc nhiên được gặp bạn ở đây.

A: Fancy meeting you here!
Thật ngạc nhiên được gặp bạn ở đây!

B: Yes! What a surprise!
Vâng! Thật ngạc nhiên đấy!

A: How's everything going?
Mọi chuyện thế nào rồi?

B: Fine, thanhs.
Tốt, cảm ơn.

Dialogue 4
You must be ...

Đối thoại 4
Chắc hẳn ông là ....

A: You must be Professor Smith.
Chắc hẳn ông là giáo sư Smith.

B: Yes. I'm pleased to meet you, Dr. Philip.
Vâng. Tôi rất vui được gặp ông, bác sĩ Philip ạ.

A: Please to meet you, too. How's Professor Brown?
Tôi cũng rất vui được gặp ông. Giáo sư Brown khoẻ không?

B: He's fine.
Ông ấy khoẻ.

Dialogue 5
How do you do?

Đối thoại 5
Xin chào.

A: How do you do?
Xin chào.

B: How do you do?
Xin chào.

A: My name is Jane Greenwood. I'm glad to meet you.
Tên tôi là Jane Greenwood. Tôi rất vui được gặp cô.

B: I'm Mary Smith. Glad to meet you, too.
Tôi là Mary Smith. Tôi cũng rất vui được gặp cô

Subsituations:

6. Checking in at a hotel reception. **Làm thủ tục nhận phòng tại quầy tiếp tân khách sạn.**

A: Good afternoon, sir. May I help you?
Chào ông, ông cần chi ạ?

B: Yes, my name is Thomas Nelson. I have a reservation.
Tên tôi là Thomas Nelson. Tôi có đặt phòng trước.

A: Your last name again, please.
Ông vui lòng cho biết lại họ của ông.

B: It's Nelson. N- E - L - S- O – N.
Là Nelson. N-E-L-S-O-N.

A: Yes, Mr. Nelson. Let me check. I see here. You requested a single room.
Dạ, ông Nelson. Để tôi kiểm tra nhé. Tôi thấy đây rồi. Ông đã đặt một phòng đơn.

7. Calling to say hello to someone for a friend. **Gọi điện để chào ai giùm người bạn.**

A: Hello. May I speak to Mrs. Mary Crane?
Xin chào. Cho phép tôi được nói chuyện với bà Mary Crane?

B: Yes, this is she.
Vâng, tôi đây.

A: I'm Bill Gate. You don't know me. I'm a friend of a friend of yours, Steven Bell. He asked me to say hello to you when I was in London.
Tôi là Bill Gate. Bà không biết tôi. Tôi là bạn của bạn bà. Steven Bell. Ông ấy nhờ tôi chào bà khi tôi đến Luân Đôn.

B: Oh, Steven Bell. He used to work in the company next to ours. It's nice to hear about him.
Ô, Steven Bell. Ông ấy đã từng làm việc trong công ty kế công ty của chúng tôi. Rất vui được nghe nói về ông ấy.

8. Reintroducing yourself to an old acquaintance whom you have not seen for many years.

Tự giới thiệu lại với người quen cũ đã nhiều năm không gặp.

A: Aren't you Roger Allen?
Có phải ông là Roger Allen?

B: Yes, that's right.
Vâng, đúng vậy.

A: I believe we met at a book show in New York a couple of years ago. I'm Adam Smith.
Tôi nghĩ là chúng ta đã gặp nhau tại cuộc trưng bày sách ở New York cách đây 2 năm. Tôi là Adam Smith.

B: Adam Smith? Oh, yes. I remember you. You represented the New York Foreign Language Education Press. How're you been?
Adam Smith à? Ô, phải. Tôi nhớ ông rồi. Ông đại diện cho Nhà xuất bản Giáo dục Ngoại ngữ New York. Ông khoẻ chứ?

A: I've been fine. And how about you?
Tôi vẫn khoẻ. Còn ông có khoẻ không?